

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 274/2024/HS-ST
Ngày: 03/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Lưu Kim Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐXXST-HS ngày 22/5/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn N; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 2005; tại tỉnh Bình Dương; HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: không; Chức vụ: không; Con ông Nguyễn Trung K và bà Hồ Thị T; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/7/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự (Bản án số 333/2023/HS-ST). Ngày 14/7/2023 bị cáo kháng cáo. Ngày 29/12/2023 bị cáo rút kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đình chỉ xét xử phúc thẩm theo Quyết định đình chỉ số 515/2023/HSPT-QĐ ngày 29/12/2023.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam

tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

2. Phạm Trần Văn H; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 2004; tại tỉnh Bình Thuận; HKTT: Thôn B1, xã B2, huyện B3, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Tổ E, khu phố Z, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: không; Con ông Phạm Anh T9 và bà Phạm Thị T8; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

3. Bùi Tấn T2; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 2005; tại Cần Thơ; HKTT: Ấp B, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: không; Con ông Lý S và bà Bùi Thị Mỹ L; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1/ Anh Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1999.

Địa chỉ: xã L, huyện C, Tiền Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Bà Võ Thị Thu H2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố I, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn N sinh năm 2005, là đối tượng đã bị xét xử về tội cướp giật tài sản theo bản án số 333/2023/HS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ ngày 11/11/2023 đến ngày 02/12/2023, N đã rủ Phạm Trần Văn H sinh năm 2004

và Bùi Tấn T2 sinh năm 2005 thực hiện các vụ cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11h00 ngày 11/11/2023, Nguyễn Tuấn N điều khiển xe mô tô hiệu Winner màu đen, biển số 60B9-596.XX đến phòng trọ của Bùi Tấn T2 tại KP.A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để rủ T2 cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì T2 đồng ý. Khoảng 12h00 ngày 11/11/2023, bà Võ Thị Thu H2, sinh năm 1983, nơi cư trú: KP.I, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến tiệm may đồ tại KP.Z, phường B, thành phố B để sửa đồ. Trong lúc ngồi chờ sửa đồ thì bà H2 đứng sử dụng điện thoại tại quán nước bên lề đường. N nhìn thấy bà H2 liền điều khiển xe đến gần bà H2, còn T2 xuống xe đi đến giật chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12Promax mà bà H2 đang cầm trên tay. Sau đó T2 leo lên xe của N đang nổ máy đứng chờ sẵn chạy về hướng đường Vũ Hồng Phô. Bà H2 hô hoán, đuổi theo nhưng không kịp. Bà H2 đã đến Công an phường B để trình báo sự việc. N mang điện thoại đến tiệm điện thoại Minh A tại KP.A, phường L, thành phố B để bán cho anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 1986, HKTT: KP.I, phường T, thành phố B với giá 3.800.000 đồng rồi chia cho T2 số tiền 2.000.000 đồng. N và T2 đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Anh T4 sau đó đã bán cho một người không rõ lai lịch với giá 4.300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 11h00 ngày 02/12/2023, Nguyễn Tuấn N và Phạm Trần Văn H đã bàn bạc với nhau đi cướp giật điện thoại bán để kiếm tiền tiêu xài. N và H đến nhà Nguyễn Thành N3, sinh năm 2005 ở địa chỉ: Tổ 4, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda Future, biển số: 60B9-400.XX, màu đỏ của N3 để làm phương tiện cướp giật tài sản. H điều khiển xe mô tô biển số 60B9-400.XX chở N ngồi sau đi đến đường L, KP.IZ, phường A, thành phố B thì phát hiện anh Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1999, HKTT: Ấp T, xã T, huyện V, Long An đang đứng ở lề đường trước quán cà phê khu phố I, phường A, thành phố B đang cầm điện thoại hiệu Iphone 14 Pro màu tím trên tay để sử dụng. H điều khiển xe chạy đến sát người anh N2, N dùng tay giật được chiếc điện thoại của anh N2 rồi H tăng ga bỏ chạy về hướng phường B. N mở điện thoại của anh N2 tìm thông tin cá nhân của anh N2 trong máy và đăng nhập được vào tài khoản ngân hàng trên điện thoại thì phát hiện tài khoản ngân hàng của anh N2 có tiền nên N nói H biết và sẽ chuyển vào tài khoản ngân hàng của H thì H đồng ý. H cung cấp tài khoản Game “B52” tên “ChoRanh48484” cho N và N đã chuyển số tiền 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm ngàn đồng) trong tài khoản ngân hàng Sacombank, số 070124362XXX, tên NGUYỄN THANH N2 vào tài khoản game “B52” của H rồi chuyển số tiền 10.000.000 đồng (Gồm có 1.100.000 đồng số tiền của H chưa sử dụng, 8.900.000 đồng trộm cắp được trong tài khoản của anh N2) đến tài khoản ngân

hàng số 0967662XXX thuộc ngân hàng MB-bank của Phạm Trần Văn H. Sau đó N và H trả xe mô tô biển số 60B9-400.XX cho N3. Đến khoảng 16h00 cùng ngày, N và H điều khiển xe mô tô Yamaha Nouvo biển số 60B1-888.XX để đi bán điện thoại vừa giật được, khi đi đến khu vực ngã tư bốn nước thuộc phường A, thành phố B thì bị Công an phường A phối hợp với đội cảnh sát hình sự Công an thành phố B kiểm tra phát hiện có nghi vấn nên mời N và H về làm việc. N và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

* Vật chứng và xử lý vật chứng.

- Xe mô tô Biển số: 60B9-596.XX, nhãn hiệu Honda Winer đây là phương tiện mà Nguyễn Tuấn N và Bùi Tấn T2 sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản vào ngày 11/11/2023. Bà Hồ Thị T là chủ sở hữu xe mô tô không biết việc N sử dụng xe để đi cướp giật nên Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại cho bà Hồ Thị T.

- Xe mô tô Biển số: 60B1-888.XX, nhãn hiệu Yamaha Nouvo là tài sản của bà Hồ Thị T, xe mô tô không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Hồ Thị T.

- Xe mô tô biển số: 60B9-400.XX, nhãn hiệu Honda Future đây là phương tiện mà Nguyễn Tuấn N và Phạm Trần Văn H sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản vào ngày 02/12/2023 là tài sản của Nguyễn Thành N3. N3 cho N mượn xe nhưng không biết việc N sử dụng xe trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thành N3.

- 01 Điện thoại Iphone 12 Pro Max của bà H2 không thu hồi được.

- Điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, dung lượng 128Gb, số Imei: 352213575539427 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Thanh N2.

- Điện thoại di động hiệu Oppo Reno màu vàng, số imei: 863921065552070, 01 thẻ ATM ngân hàng Mbbank màu vàng cam, số serial: 7X23FVE, đây là những tài sản không liên quan đến vụ việc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Phạm Trần Văn H.

- Số tiền 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm ngàn đồng) có trong số tài khoản 0967662XXX của Phạm Trần Văn H ngân hàng Mbank, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền này.

- 01 USB do bà Võ Thị Thu H2, sinh năm 1983 cung cấp có lưu trữ hình ảnh liên quan đến việc Nguyễn Tuấn N và Bùi Tấn T2 thực hiện hành vi cướp giật tài sản được kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 USB do anh Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1999 cung cấp có lưu trữ hình ảnh liên quan đến việc Nguyễn Tuấn N và Phạm Trần Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản được kèm theo hồ sơ vụ án.

* Kết luận định giá tài sản số 638/KL-HĐĐGTS ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max loại 256Gb có trị giá là 12.714.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm mười bốn ngàn đồng);

* Kết luận định giá tài sản số 639/KL-HĐĐGTS ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro loại 128Gb có trị giá là 14.792.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng);

* Về dân sự: Bị hại bà Võ Thị Thu H2 đã nhận được tiền bồi thường nên không còn yêu cầu bồi thường. Anh Nguyễn Thanh N2 yêu cầu Nguyễn Tuấn N và Phạm Trần Văn H trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt là 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm ngàn đồng).

Tại Cáo trạng số: 255/CT-VKSBH-HS ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Nguyễn Tuấn N, Phạm Trần Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Bùi Tấn T2 về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Nguyễn Tuấn N mức hình phạt tù 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị tổng hợp hình phạt với bản án số 333 ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; xử phạt bị cáo Phạm Trần Văn H mức hình phạt tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bùi Tấn T2 mức hình phạt tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Anh Nguyễn Thanh N2, bà Võ Thị Thu H2 có đơn xin vắng mặt. Quá trình điều tra các đương sự đã có lời khai và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Việc vắng mặt các đương sự không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tuấn N, Phạm Trần Văn H, Bùi Tấn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai người bị hại, người làm chứng. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 11/11/2023, tại khu phố Z, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Tuấn N và Bùi Tấn T2 đã có hành vi cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động hiệu iPhone 12 Pro Max trị giá 12.714.000đ của bà Võ Thị Thu H2. Ngày 02/12/2023, Nguyễn Tuấn N và Phạm Trần Văn H đã có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm, cướp giật tài sản là điện thoại di động hiệu iPhone 14 Pro Max trị giá 14.792.000đ của anh Nguyễn Thanh N2. Sau khi lấy được điện thoại của anh N2, N và H đã lấy trộm số tiền 8.900.000đ trong tài khoản Ngân hàng Sacombank số 070124362XXX của anh Nguyễn Thanh N2.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Tuấn N, Phạm Trần Văn H đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo Bùi Tấn T2 đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo N, H sử dụng xe mô tô chiếm đoạt tài sản để nhanh chóng tẩu thoát nên thuộc tình tiết định khung hình phạt là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều là những người trong độ tuổi trưởng thành có khả năng lao động, để có tiền tiêu xài lại có hành vi cướp giật tài sản

của người khác, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bị cáo N có nhân thân xấu, đã bị xử lý hình sự về tội “Cướp giật tài sản”, trong thời gian xét xử phúc thẩm lại tiếp tục phạm tội “Cướp giật tài sản” thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do vậy, cần có mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án cướp giật tài sản ngày 11/11/2023, các bị cáo Nguyễn Tuấn N và Bùi Tấn T2 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Bị cáo N là người rủ rê, bị cáo N và Tài cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn.

Trong vụ án cướp giật và trộm cắp tài sản ngày 02/12/2023, các bị cáo Nguyễn Tuấn N và Phạm Trần Văn H thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Bị cáo N là người rủ rê, bị cáo N và H cùng trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Bị cáo N là người kiểm tra điện thoại của anh N2 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Tuấn N phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Tuấn N, Bùi Tấn T2 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Võ Thị Thu H2 đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Bị hại anh Nguyễn Thanh N2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn N, Phạm Trần Văn H trả lại số tiền 8.900.000đ. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho anh N2 nên ghi nhận. Mỗi bị cáo bồi thường 4.450.000đ.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô Biển số: 60B9-596.XX, nhãn hiệu Honda Winer là tài sản của bà Hồ Thị T, bà Tuyết không biết việc N sử dụng xe để đi cướp giật tài sản nên Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại cho bà Hồ Thị T là phù hợp.

- Đối với xe mô tô Biển số: 60B1-888.XX, nhãn hiệu Yamaha Nouvo là tài sản của bà Hồ Thị T, xe mô tô không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Hồ Thị T là phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số: 60B9-400.XX, nhãn hiệu Honda Future tài sản của Nguyễn Thành N3. N3 không biết việc N sử dụng xe trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thành N3 là phù hợp.

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím, dung lượng 128Gb, số Imei: 352213575539427 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Thanh N2 là phù hợp.

- Đối với điện thoại di động hiệu Oppo Reno màu vàng, số imei: 863921065552070, 01 thẻ ATM ngân hàng Mbbank màu vàng cam, số serial: 7X23FVE, là những tài sản không liên quan đến vụ việc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Phạm Trần Văn H là phù hợp.

- Đối với Số tiền 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm ngàn đồng) trong số tài khoản 0967662XXX của Phạm Trần Văn H ngân hàng Mbank, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền này tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí HSST và án phí DSST: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo N, H mỗi bị cáo nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, 56, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Tuấn N;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn N phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn N **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Cướp giật tài sản”, **10 (mười) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho hai tội là **05 (năm) 04 (bốn) tháng** tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 333/2023/HSST ngày 06/7/2023. Buộc bị cáo chấp hành **06 (sáu) năm 08 (tám) tháng** tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 02/12/2023.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Trần Văn H;

Tuyên bố bị cáo Phạm Trần Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trần Văn H **04 (bốn) năm** tù về tội “Cướp giật tài sản”, **08 (tám) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho hai tội là **04 (bốn) năm 08 (tám) tháng** tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 02/12/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Tấn T2;

Tuyên bố bị cáo Bùi Tấn T2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Tấn T2 **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 03/12/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn N, Phạm Trần Văn H liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Thanh N2 số tiền 8.900.000đ (Tám triệu chín trăm ngàn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 4.450.000đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tiếp tục phong tỏa số tiền 8.900.000đ (Tám triệu chín trăm ngàn đồng), trong tài khoản 0967662XXX tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội Mbbank của Phạm Trần Văn H (theo lệnh phong tỏa tài khoản số 605/LPT-ĐTTH ngày 29/3/2024 của Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa) để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn N, Phạm Trần Văn H mỗi bị cáo nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Võ Thị Thu H2, anh Nguyễn Thanh N2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh Thủy